

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-01-2025

V/v: *Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trương Xuân Vũ**
Ông Hoàng Văn Khiếu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều** - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Cẩm Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 279/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nông Thị H.

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Bế Văn H1.

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 21-11-2024, nguyên đơn là chị Nông Thị H trình bày:

Chị và anh Bế Văn H1 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L ngày 16-12-2013. Sau khi kết

hôn hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Bé Văn H1 không chịu khó làm ăn mà thường chơi bời, cờ bạc dẫn đến phá sản tài sản. Đến nay chị xác định không thể chung sống cùng với anh Bé Văn H1 nữa. Vì vậy chị Nông Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Bé Văn H1.

Về con chung, chị Nông Thị H xác định giữa hai người có 01 con chung là cháu Bé Thiên Đ - Sinh ngày 09-9-2014. Hiện nay cháu đang sống, học tập cùng gia đình bà Nguyễn Thị N (*Là bà nội*) tại thôn X, xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06-12-2024 và Đơn đề nghị ngày 13-12-2024, chị Nông Thị H đề nghị giao cháu Bé Thiên Đ cho anh Bé Văn H1 nuôi dưỡng vì hiện nay chị cũng đang đi làm ăn xa, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nông Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 29-11-2024 người làm chứng là bà Nguyễn Thị N trình bày: Anh Bé Văn H1 và chị Nông Thị H kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L. Sau khi kết hôn, hai người cùng đi làm ăn xa nhà và có phát sinh mâu thuẫn do anh Bé Văn H1 làm ăn có phát sinh nợ nần. Hiện tại anh Bé Văn H1 đang đi làm ăn xa, bà đã thông báo việc chị Nông Thị H xin ly hôn cho anh Bé Văn H1 biết và anh đã có ý kiến lại là không đồng ý ly hôn, không nhất trí để chị Nông Thị H nuôi con chung. Do đang đi làm ăn xa nên anh Bé Văn H1 không về để Tòa án giải quyết việc ly hôn được.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Bé Thiên Đ, sinh năm 2014. Hiện tại cháu đang ở cùng gia đình bà và học lớp 5 tại trường Tiểu học xã M, huyện L. Ý kiến của anh Bé Văn H1 là được nuôi con chung, do chị Nông Thị H không có nhà cửa ổn định và cũng đang đi làm ăn xa.

Bà Nguyễn Thị N khẳng định đã thông báo nội dung của các tài liệu, giấy tờ của Tòa án cho anh Bé Văn H1 biết đúng thời hạn.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 06-11-2024: Cháu Bé Thiên Đ đề đạt nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Bé Văn H1. Nhưng anh Bé Văn H1 không có mặt theo triệu tập nên không có lời khai.

Ngày 16-12-2024, Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Do anh Bé Văn H1 vắng mặt và chị Nông Thị H có đơn từ chối hoà giải nên phiên họp không thể tiến hành được.

Ngày 09-01-2025, chị Nông Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến theo nội dung đã trình bày tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ.

Tại phiên toà, các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đề nghị xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ và lời khai do các đương sự cung cấp, nội dung xác minh tại cơ sở thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung là có căn cứ do hiện nay tình trạng vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Việc nguyên đơn đề nghị bị đơn nuôi con chung phù hợp với thực tế hiện nay cháu đang sinh sống cùng bị đơn. Do nguyên đơn đang đi làm ăn xa, nên điều kiện nuôi con không được đảm bảo. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn và giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng. Do bị đơn không tham gia tố tụng, không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại các Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình

Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn cư trú tại xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M, huyện L cấp ngày 16-12-2013. Thể hiện việc kết hôn giữa anh Bế Văn H1 và chị Nông Thị H là hợp pháp. Theo lời khai của nguyên đơn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018 đến

nay. Lời khai của nguyên đơn về tình trạng hôn nhân của vợ chồng phù hợp với nội dung do bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ anh Bé Văn H1 cung cấp. Nên có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn giữa hai người phát sinh từ lâu, nhưng không thể hòa giải được vì vậy hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho chị Nông Thị H ly hôn với anh Bé Văn H1.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các giấy khai sinh, thể hiện: Chị Nông Thị H và anh Bé Văn H1 có 01 con chung là cháu Bé Thiên Đ - Sinh ngày 09-9-2014. Tuy cháu Bé Thiên Đ có nguyện vọng được ở với mẹ. Nhưng hiện nay cháu đang sinh sống, học tập ổn định cùng bà nội tại xã M, huyện L. Chị Nông Thị H hiện nay đang đi làm ăn xa, không có điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu và cũng có nguyện vọng giao con chung cho anh Bé Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Vì vậy, để đảm bảo cho quyền lợi của cháu Bé Thiên Đ được chăm sóc, giáo dục và phát triển tốt nhất, tránh sự thay đổi môi trường sinh sống, học tập. Cần căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị H, giao cháu Bé Thiên Đ cho anh Bé Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Do chị Nông Thị H đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Bé Văn H1 là người được giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung không tham gia tố tụng, không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Anh Bé Văn H1 có quyền khởi kiện để yêu cầu chị Nông Thị H cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Nông Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nông Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H được ly hôn với anh Bé Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Bé Thiên Đ - Sinh ngày 09-9-2014 cho anh Bé Văn H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Nông Thị H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2024/0001284 ngày 22-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái. Chị Nông Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị H, anh Bé Văn H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện L;
- Niêm yết, UBND xã M
- Lưu: Hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng

